TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DSTC-ST
Ngày: 05 - 3- 2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng TD

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hùng Tự

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-DSTC ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-DSTC ngày 05 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số 05/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Số 101 đường T, tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung K - Phó giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh tỉnh Hà Giang (Giấy uỷ quyền số 2290/GUQ/NHNo-KTNB ngày 30/9/2021), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Đ. Địa chỉ: Tổ 06, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Toà án đại diện nguyên đơn Ngân hàng N- Chi nhánh tỉnh Hà Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ông Nguyễn Quang Đ vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: ***Hợp đồng tín dụng số 8200 - LAV - 201701215.***

+ Ngày ký kết: 20/7/2017

+ Số tiền cho vay: 200.000.000 *(Hai trăm triệu đồng)*

+ Mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết: là 12%/ năm

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày 20/7/2017

+ Ngày nhận tiền vay đầu tiên: 29/07/2017.

+ Hạn trả nợ cuối cùng: 20/7/2022

+ Mục đích: Mua sắm vật dụng, thiết bị sinh hoạt. Cho vay không có tài sản bảo đảm. Tại thời điểm vay ông Nguyễn Quang Đ đang công tác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Quang Đ đã thực hiện trả gốc và lãi bắt đầu từ thời điểm ngày 19/10/2017 đến ngày 18/5/2020. Thời điểm trả nợ cuối cùng của ông Đ tại Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng số 8200-LAV-201701215 là ngày 18/5/2020. Các khoản vay của ông Nguyễn Quang Đ phát sinh nợ quá hạn từ ngày 31/7/2020.

Để thực hiện thu hồi nợ đối với ông Nguyễn Quang Đ, Ngân hàng đã thực hiện kết hợp nhiều biện pháp, cụ thể: Chi nhánh đã nhiều lần gửi giấy báo nợ đến hạn, thông báo thu nợ quá hạn cho khách hàng để thông báo cũng như yêu cầu khách hàng thực hiện theo đúng cam kết trong các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng, tuy nhiên khách hàng đều không thực hiện. Trong suốt giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Nguyễn Quang Đ về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trong các lần làm việc khách hàng đều xác nhận và cam kết nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện đầy đủ cam kết trả nợ với Ngân hàng gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/8/2020 là: 80.580.824, đ *(Tám mươi triệu, năm trăm tám mươi ngàn, tám trăm hai mươi bốn đồng chẵn)*, trong đó nợ gốc: 78.191.635đ , lãi tạm tính là: 2.389.189,đ và các khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông Đ trả hết các khoản nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Nguyễn Quang Đ đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều không có mặt không có lý do. Toà án đã xác minh theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, tổ trưởng 06 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã cung cấp: Ông Nguyễn Quang Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ 06, phường N, thành phố H, tuy nhiên từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến nay ông Đ không có mặt ở nơi cư trú, không báo lại với tổ dân phố về việc ông đi đâu và làm gì. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Toà án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Quang Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử vụ án 05/3/2021 là 85.374.644 đ *(Tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng chẵn)*, buộc ông Đ phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

* Tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Quang Đ vắng mặt nên không có lời trình bày và ý kiến đề nghị gì.

* Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 282, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quang Đ phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền tính đến ngày 05/3/2021 là 85.374.644 đ *(Tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng chẵn)*, trong đó nợ gốc: 78.191.635đ, lãi thu trong hạn là 6.976.431 và lãi thu quá hạn 206.578đ.

Và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/3/2021 đến khi ông Nguyễn Quang Đ trả hết nợ.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí DSST sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Quang Đ, có địa chỉ cuối cùng tại: Tổ 06 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Đ hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Quang Đ là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Quang Đ theo Hợp đồng tín dụng số 8200 - LAV - 201701215 ngày 20/7/2017 nhưng ông Nguyễn Quang Đ không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng *(Hợp đồng dân sự),* được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung: Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Quang Đ theo Hợp đồng tín dụng số 8200 - LAV - 201701215 ngày 20/7/2017 để cho ông Đ vay số tiền 200.000.000,đ *(Hai trăm triệu đồng),* mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 12%/năm. Ông Đ cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng, mỗi tháng trích trả số tiền 5.500.000,đ là đúng thực tế. Các bên ký kết hợp đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8200 - LAV - 201701215 ngày 20/7/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thoả thuận, không có khiếu nại về nội dung, điều khoản của các hợp đồng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang Đ trả khoản tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết: Ngân hàng đã thực hiện Hợp đồng số 8200 - LAV - 201701215 ngày 20/7/2017 theo thoả thuận, giải ngân cho ông Nguyễn Quang Đ vay tổng số tiền gốc là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* là thực tế. Trong quá trình vay ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 05/3/2021 ông Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 85.374.644 đ *(Tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng chẵn)*, trong đó nợ gốc: 78.191.635đ , lãi thu trong hạn là 6.976.431 và lãi thu quá hạn 206.578đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang Đ phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và phù hợp với thoả thuận của Hợp đồng tín dụng số 8200 - LAV - 201701215 ngày 20/7/2017.

[6] Ông Nguyễn Quang Đ cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 138; Điều 140; Các Điều 280; 282; 357; 463; 465; 466; 468 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144; Khoản 1

Điều 147; khoản 2 Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016).*

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang, Xử:

Buộc ông Nguyễn Quang Đ chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền tính đến ngày 05/3/2021 là: 85.374.644 đ *(Tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng chẵn)*, trong đó nợ gốc: 78.191.635đ , tiền lãi là 7.183.009đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Án phí : Ông Nguyễn Quang Đ phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.268.000đ *(Bốn triệu hai trăm sáu tám nghìn đồng).* Hoàn trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* đã nộp theo Biên lai số BB/2018/002325 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H *(do bà Trần Thuý Q nộp thay).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND TP. H;
- Ngân hàng N chi nhánh tỉnh HG;
- Ông Nguyễn Quang Đ (Niêm yết)
- Chi cục THADS TP H;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Mỹ Lệ